**NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH BẢO QUẢN MÔ BUỒNG TRỨNG**

**TRÊN ĐỘNG VẬT THỰC NGHIỆM**

**Đỗ Thùy Hương\***

**TÓM TẮT[[1]](#footnote-1)**

**Mục tiêu**: Lựa chọn được quy trình bảo quản mô buồng trứng trên động vật thực nghiệm.

**Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu**: Sử dụng kỹ thuật hiển vi quang học để đánh giá sự biến đổi cấu trúc mô học của buồng trứng thỏ sau bảo quản lạnh bằng kỹ thuật đông nhanh (thủy tinh hóa) và đông chậm (hạ nhiệt độ theo chương trình).

**Kết quả**: Bảo quản lạnh mô buồng trứng bằng kỹ thuật đông nhanh có xu hướng cho hiệu quả bảo tồn nang trứng tốt hơn so với đông chậm. Tỷ lệ nang trứng nguyên thủy có hình thái bình thường sau bảo quản lạnh lần lượt là 46,7% và 38,6% tương ứng cho đông nhanh và đông chậm. Kỹ thuật đông nhanh thuận tiện, tiết kiệm thời gian và chi phí hơn so với đông chậm.

**Kết luận**: Kỹ thuật đông nhanh được lựa chọn để bảo quản lạnh mô buồng trứng do có nhiều ưu điểm hơn so với đông chậm.

***Từ khoá:*** Bảo quản lạnh, mô buồng trứng, đông nhanh (thủy tinh hóa), đông chậm (hạ nhiệt độ theo chương trình)

**SUMMARY**

**RESEARCH ON CRYOPRESERVEATION ANIMAL OVARY TISSUE**

**Objectives**: to establish protocol for cryopreserve ovary tissue on animal model.

**Materials and Methods**: Two different protocols were applied to cryopreserve rabit ovary tissue: vitrification, slow freezing. Using light microscope to examine the morphological characteristics of ovary tissue after thawing.

**Results**: Vitrification vitrification preserved 46,7% of primordial follicles whereas slow freezing preserved 38,6%. Vitrification is not only cheaper , less time-consuming but it also has tendency to conserve follicles better than slow freezing.

**Conclusions:** with several advantages as compared with slow freezing, vitrifycation is considered appropriate method for cryopreservation of ovarian tissue

***Keywords:*** Cryopreservation, ovary tissue, vitrification, slow freezing

1. [↑](#footnote-ref-1)